

# Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/12

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 18.03.2025  
Sản phẩm: **Lutavit® E 50**

Phiên bản: 7.2

(30040915/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

## 1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

**Tên sản phẩm:**  
**Lutavit® E 50**

Sử dụng: Chất phụ gia cho ngành thức ăn chăn nuôi.

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam  
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,  
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: +84 28 3824 3833  
Số fax: +84 28 3824 3832  
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)  
Số fax: +84 28 3824 3832  
International emergency number:  
Điện thoại: +49 180 2273-112

## 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Sản phẩm được phân loại là hóa chất không nguy hiểm theo các tiêu chuẩn của Hệ thống hài hòa toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn hóa chất (GHS).

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Sản phẩm không yêu cầu nhãn cảnh báo mối nguy hiểm theo Tiêu chuẩn GHS

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Sản phẩm có thể nổ bụi dưới các điều kiện nhất định.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 18.03.2025  
Sản phẩm: **Lutavit® E 50**

Phiên bản: 7.2

(30040915/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

### 3. Thông tin về thành phần các chất

#### Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: hỗn hợp

Chất tiền chế dựa trên:

Vitamin E Acetate (Hàm lượng (W/W):  $\geq 50\%$ ), Silica

Không có chứa các thành phần nguy hại.

### 4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:

Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:

Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành.

Khi tiếp xúc với da:

Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:

Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to.

Khi nuốt phải:

Súc miệng sau đó uống khoảng 200-300 ml nước.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Việc xử lý: Xử lý triệu chứng (khử độc, chức năng sống).

### 5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

Phun nước, bột, bột khô, cacbon dioxide

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:

Vòi phun nước

Thông tin bổ sung:

Tránh làm quay hoặc đảo vòng vật liệu/ sản phẩm vì bụi nổ nguy hiểm.

Những mối nguy hiểm cụ thể:

những chất dạng hơi có hại, các oxit cacbon

Sự phát triển của khói/sương. Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy. Bụi nổ nguy hại.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:

Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 18.03.2025  
Sản phẩm: **Lutavit® E 50**

Phiên bản: 7.2

(30040915/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

Thông tin bổ sung:

Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chứa cháy bị nhiễm bản hóa chất theo các quy định chính thức. Làm mát các thùng nguy hiểm bằng cách phun nước.

## 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8. Tránh bụi.

Cảnh báo môi trường:

Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng nhỏ: Chứa đựng với vật liệu dính bụi và xử lý.

Cho lượng lớn: Dọn sạch/ xúc sạch.

Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định. Tránh làm phát sinh bụi.

Thông tin bổ sung: Bụi có thể tạo thành một hỗn hợp nổ với khí.

## 7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp.

Phòng chống cháy nổ:

Tránh bụi. Tránh làm quay hoặc đảo vòng vật liệu/ sản phẩm vì bụi nổ nguy hiểm. Lưu ý biện pháp phòng ngừa mạch tĩnh điện. Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở.

Hướng dẫn bảo quản

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Giữ ở nhiệt độ không vượt quá 30 °C. Đóng chặt và giữ khô ráo. Bảo vệ khỏi tác động của ánh sáng.

## 8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

Silicon dioxide, 7631-86-9;

Giá trị TWA 10 mg/m<sup>3</sup> (ACGIHTLV), Các phân tử có thể hít vào

Giá trị TWA 3 mg/m<sup>3</sup> (ACGIHTLV), Các phân tử có kích thước trên 10 µm

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp nếu có bụi. Bộ lọc hạt có hiệu suất thấp đối với các hạt rắn (vd. EN 143 hay 149, Loại P1 hay FFP1)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 18.03.2025  
Sản phẩm: **Lutavit® E 50**

Phiên bản: 7.2

(30040915/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

Bảo vệ tay:

Găng tay bảo vệ chống hóa chất (EN ISO 374-1)

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Phải chọn biện pháp bảo vệ toàn thân dựa trên mức độ hoạt tính và phơi nhiễm.

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Đề nghị mặc trang phục phù hợp khi làm việc  
Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc. Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi  
nghỉ ngơi và vào cuối ca. Cất trữ riêng biệt áo quần làm việc.

## 9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng: bột

Màu sắc: trắng đến trắng nhạt

Mùi: gần như không mùi

Ngưỡng mùi: không được xác định

Giá trị pH:

Không thể hạ tan

Điểm nóng chảy:

không liên quan

Điểm sôi:

không áp dụng

Điểm chớp cháy:

không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.

Tốc độ bay hơi:

không đáng kể

Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas): không dễ cháy cao (Chỉ thị 92/69/EEC, A. 10)

Giới hạn nổ dưới (LEL):

Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn

Giới hạn nổ trên (UEL):

Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn

Phân huỷ do nhiệt:

&gt;= 175 °C

(DDK (DIN 51007))

Khả năng tự gia nhiệt:

Đó không phải là chất có thể tự đun nóng theo các quy định vận chuyển UN loại 4.2.

(UN Test N.4 ( Những chất tự gia nhiệt))

SADT:

&gt; 75 °C

Tích lũy nhiệt/ Dewar 500 ml (SADT, UN-Test H.4, 28.4.4)

Năng lượng đánh lửa tối thiểu:

Sản phẩm có thể nổ bụi.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 18.03.2025  
Sản phẩm: **Lutavit® E 50**

Phiên bản: 7.2

(30040915/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

|   |   |
|---|---|
| Nguy cơ nổ:                                   | Sản phẩm không có khả năng nổ, tuy nhiên bụi nổ có thể hình thành từ hỗn hợp bụi-khí.                                     |
| Những đặc tính làm tăng cháy:                 | Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó sản phẩm không được phân loại là oxy hóa.   |
| Áp suất hơi:                                  | không áp dụng   |
| Tỷ trọng:                                     | Không có thông tin nào về mật độ tuyệt đối. Thay vào đó, mật độ khối lượng lớn được xác định như một giá trị phù hợp hơn. |
| Tỷ trọng thể tích/mật độ khối:                | tương đương 450 - 600 kg/m <sup>3</sup>   |
| Tỷ trọng hơi (không khí):                     | Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.   |
| Tính tan trong nước:                          | Không thể hạ tan  |
| Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow): | không áp dụng đối với hỗn hợp chất  |
| Tính nhớt, động lực:                          | không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.  |
| Tính nhớt, động học:                          | không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.  |

## 10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:  
Tránh bụi. Tránh tích tĩnh điện. Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt:  $\geq 175\text{ }^{\circ}\text{C}$  (DDK (DIN 51007))

Những chất cần tránh:  
Dung dịch kiềm, độ ẩm của không khí

Sự ăn mòn kim loại: Không dự đoán ăn mòn kim loại.

Những phản ứng nguy hiểm:  
Bụi có thể tạo thành một hỗn hợp nổ với khí.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại:  
Không có các sản phẩm phân hủy nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:  
Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 18.03.2025  
Sản phẩm: **Lutavit® E 50**

Phiên bản: 7.2

(30040915/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

Khả năng phản ứng:  
Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

## 11. Thông tin về độc tính

### Các đường tiếp xúc

#### Đánh giá độ độc cấp tính

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: Vitamin E Acetate

#### Độ độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
LD50 chuột (miệng): > 10,000 mg/kg (Thí nghiệm BASF)

Thông tin trên: Silica

#### Độ độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
LD50 chuột (miệng): > 5,000 mg/kg (OECD hướng dẫn 401)

### Triệu chứng

Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

### Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:  
Không gây kích ứng mắt. Không gây kích ứng da. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: Vitamin E Acetate  
Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
Ấn mơn/Kích ứng da thỏ: không gây kích ứng (OECD hướng dẫn 404)

Thông tin trên: Vitamin E Acetate  
Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: không gây kích ứng (OECD hướng dẫn 405)

### Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:  
Tác dụng mẫn cảm da đã không được theo dõi trong nghiên cứu động vật.

Thông tin trên: Vitamin E Acetate  
Đánh giá tính nhạy cảm:  
Tác dụng mẫn cảm da đã không được theo dõi trong nghiên cứu động vật.

Thông tin trên: Silica-----

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 18.03.2025  
Sản phẩm: **Lutavit® E 50**

Phiên bản: 7.2

(30040915/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

## Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:  
Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Thông tin trên: Vitamin E Acetate  
Đánh giá khả năng gây đột biến:  
Không tác dụng đột biến nào được tìm thấy trong nhiều thí nghiệm khác nhau trên vi khuẩn và động vật có vú.

Thông tin trên: Silica-----

## Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:  
Các nghiên cứu lâu dài trên động vật không nhận thấy bất cứ tác nhân ung thư nào khi chất được cho vào thức ăn với liều lượng cao. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: Vitamin E Acetate  
Đánh giá khả năng gây ung thư:  
Các nghiên cứu lâu dài trên động vật không nhận thấy bất cứ tác nhân ung thư nào khi chất được cho vào thức ăn với liều lượng cao.

Thông tin trên: Silica-----

## Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:  
Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Thông tin trên: Vitamin E Acetate  
Đánh giá độ độc đến sinh sản:  
Những kết quả nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng giảm khả năng sinh sản.

Thông tin trên: Silica-----

## Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:  
Dựa trên thành phần sản phẩm, hoàn toàn không có mối nguy cơ gây biến đổi di truyền.

Thông tin trên: Vitamin E Acetate  
Đánh giá vấn đề quái thai:  
Không chỉ số nào về tác dụng gia tăng độc tính/ gây quái thai được nhìn nhận trong các nghiên cứu trên động vật.

Thông tin trên: Silica  
Đánh giá vấn đề quái thai:  
Chưa được phân loại do thiếu dữ liệu.  
-----

## Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 18.03.2025  
Sản phẩm: **Lutavit® E 50**

Phiên bản: 7.2

(30040915/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

Ghi chú: Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

### **Độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)**

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:  
Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Thông tin trên: Vitamin E Acetate  
Đánh giá độ độc liều lượng lặp:  
Việc hấp thu qua miệng nhiều lần một chất không phải là nguyên nhân tác động của nhiều chất liên quan.

Thông tin trên: Silica-----

### **Nguy cơ khi hít vào**

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

### **Thông tin độc tính liên quan khác**

Sản phẩm không được thí nghiệm. Những công bố về tính độc tố có nguồn gốc từ đặc tính của từng thành phần.

---

## **12. Thông tin về sinh thái**

### **Độc sinh thái**

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:  
Một khả năng cao là sản phẩm không gây nguy hại sâu đến sinh vật thủy sinh. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

-----  
Thông tin trên: Vitamin E Acetate  
Độc với loài cá:  
LC50 (96 h) > 11 mg/l, *Oncorhynchus mykiss* (OECD - Hướng dẫn 203, tĩnh điện)  
Báo cáo về tác động gây độc có liên quan nồng độ xác định phân tích. Không có tác động gây độc xảy ra trong giới hạn thang hoà tan.

Thông tin trên: Silica  
Độc với loài cá:  
LC50 (96 h) > 10,000 mg/l, *Brachydanio rerio* (OECD 203; ISO 7346; 84/449/EEC, C.1)  
-----

Thông tin trên: Vitamin E Acetate  
Loài không xương sống thủy sinh:  
EC50 (48 h) > 20.6 mg/l, *Daphnia magna* (Hướng dẫn OECD 202, phần 1, tĩnh điện)  
Báo cáo về tác động gây độc có liên quan nồng độ xác định phân tích. Không có tác động gây độc xảy ra trong giới hạn thang hoà tan.

Thông tin trên: Silica  
Loài không xương sống thủy sinh:



BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 18.03.2025  
Sản phẩm: **Lutavit® E 50**

Phiên bản: 7.2

(30040915/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

EC50 (24 h) > 1,000 mg/l, Daphnia magna (Hướng dẫn OECD 202, phần 1)

Thông tin trên: Vitamin E Acetate

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC20 (30 min) > 927 mg/l, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt (DIN EN ISO 8192, ở dưới nước)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Thông tin trên: Silica

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC50 (3 h) > 2,500 mg/l (Hướng dẫn OECD 209)

### Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Có khả năng hấp thụ trong đất rắn.

Thông tin trên: Vitamin E Acetate

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Chất sẽ từ từ bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Có khả năng hấp thụ trong đất rắn.

Thông tin trên: Silica

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

### Tính bền và tính biến chất

Đánh giá phân huỷ sinh học và tính khử (H<sub>2</sub>O):

Sản phẩm không có thể hòa tan trong nước và do đó có thể di chuyển khỏi nước bằng cơ học trong các nhà máy xử lý nước thải thích hợp.

Thông tin trên: Vitamin E Acetate

Thông tin trên: Silica

### Khả năng tích lũy sinh học

Thông tin trên: Vitamin E Acetate

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:

Không có khả năng tích lũy trong sinh khối.

Thông tin trên: Silica

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:

Sản phẩm không có tính khả dụng sinh học do độ ổn định và tính không thể hòa tan trong nước của nó.

### Thông tin bổ sung

Ghi chú thêm về huỷ hoại môi trường và quá trình:

Sản phẩm chưa được thí nghiệm. Các thông tin về môi trường và chuỗi phản ứng được rút ra từ các đặc tính của những hóa chất thành phần.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 18.03.2025  
 Sản phẩm: **Lutavit® E 50**

Phiên bản: 7.2

(30040915/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

### 13. Thông tin về thải bỏ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Tuân theo các yêu cầu pháp luật quốc gia và địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:

Bao bì không nhiễm bẩn có thể được tái sử dụng.

Những bao bì không thể làm sạch nên thải bỏ giống phương thức xử lý bao bì nhiễm bẩn.

### 14. Thông tin khi vận chuyển

#### Vận chuyển nội địa:

|   |  |
|---|--|
|   | Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải |
| Số UN hoặc số ID                            | Không áp dụng  |
| Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc: | Không áp dụng  |
| Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:             | Không áp dụng  |
| Nhóm đóng gói:                              | Không áp dụng  |
| Mối nguy hiểm về môi trường:                | Không áp dụng  |
| Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng          | Chưa có thông tin  |

#### Vận tải đường thủy

##### IMDG

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc: Không áp dụng

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: Không áp dụng

Nhóm đóng gói: Không áp dụng

Mối nguy hiểm về môi trường: Không áp dụng  
Ô nhiễm hàng hải: không

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: Chưa có thông tin

#### Sea transport

##### IMDG

Not classified as a dangerous good under transport regulations

UN number or ID number: Not applicable

UN proper shipping name: Not applicable

Transport hazard class(es): Not applicable

Packing group: Not applicable

Environmental hazards: Not applicable  
Marine pollutant: no

Special precautions for user: None known

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 18.03.2025  
 Sản phẩm: **Lutavit® E 50**

Phiên bản: 7.2

(30040915/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

**Vận tải hàng không**

IATA/ICAO

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp

Quốc:

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: Không áp dụng

Nhóm đóng gói: Không áp dụng

Mối nguy hiểm về môi trường: Không áp dụng

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng Chưa có thông tin

**Air transport**

IATA/ICAO

Not classified as a dangerous good under transport regulations

UN number or ID number: Not applicable

UN proper shipping name: Not applicable

Transport hazard class(es): Not applicable

Packing group: Not applicable

Environmental hazards: Not applicable

Special precautions for user None known

**Vận tải biển số lượng lớn theo quy định của IMO**

Không được vận chuyển đường biển số lượng lớn mà chưa dự kiến.

**Maritime transport in bulk according to IMO instruments**

Maritime transport in bulk is not intended.

**15. Thông tin về pháp luật****Những quy định khác**

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 18.03.2025  
Sản phẩm: **Lutavit® E 50**

Phiên bản: 7.2

(30040915/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

- Nghị định số 34/2024/ND-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản, vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.
- Nghị định số 33/2024/ND-CP ngày 27/03/2024 của Chính phủ Quy định việc thực hiện công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học

## 16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Phải tuân thủ nghiêm các biện pháp bảo vệ an toàn nghề nghiệp được khuyến cáo.

Những hàng trắng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.